

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

BẢNG THÔNG SỐ, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
Gói thầu mua Văn phòng phẩm

STT	TÊN LOẠI	ĐVT	Thông số kỹ thuật	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ KH SAU VAT	THÀNH TIỀN	Ghi chú
1	A grap lớn bấm giấy	Cái	bấm kim số 3	18		-	
2	A grap nhỏ bấm giấy	Cái	bấm kim số 10	65		-	
3	Băng keo 2 mặt (xốp)	Cuộn	2 phân	32		-	
4	Băng keo dán gói 3cm (màu)	Cuộn	Loại: 3 phân	77		-	
5	Băng keo trong lớn	Cuộn	5 phân	82		-	
6	Băng keo trong nhỏ	Cuộn	2 phân vòng nhỏ	71		-	
7	Bìa 3 dây mặt giấy	Cái	Gáy 10 cm	250		-	
8	Bìa 3 dây mặt giấy	Cái	Gáy 20 cm	148		-	
9	Bìa 3 dây mặt giấy	Cái	Gáy 25 cm	50		-	
10	Bìa công	Cái	Gáy 10 cm	9		-	
11	Bìa hộp	Cái	Gáy 10 cm	7		-	
12	Bìa kiếng A 4	Xấp	210mm x 297mm 100 tờ/xấp 1.5yem	22		-	
13	Bìa sơ mi @	Cái	Bìa công mũ 2.5 phân	73		-	
14	Bìa sơ mi có nắp	Cái	Khổ F4 21 x33	1,016		-	
15	Bìa sơ mi không nắp (bìa lá)	Cái	Khổ F4 21 x33	390		-	
16	Bìa sơ mi mỏng có lỗ	Xấp	Nhựa PP, khổ A 4 gáy đục lỗ	34		-	
17	Bìa sơ mi nhỏ (bìa lá)	Cái	Khổ A4 21 x30	240		-	
18	Bìa trình ký	Cái	Khổ 21 x33	54		-	
19	Bút long đầu kim(viết ống nghiệm)	Cây	bi 0.5mm, mực xanh	156		-	XN dự trù
20	Bút long đầu đỏ	Cây	0.8mm & 6mm	75		-	
21	Bút long đầu xanh	Cây	0.8mm & 6mm	73		-	

22	Bút lông đỏ(viết bảng)	Cây	0.8mm & 6mm	31			-
23	Bút lông xanh(viết bảng)	Cây	0.8mm & 6mm	75			-
24	Dao rọc giấy	Cái	0.5 x 18 x 100 mm	37			-
25	Dụng cụ bấm lỗ	Cái	11 x 12.5 cm	11			-
26	Dụng cụ chuốt viết chì	Cái	Mũi cứng 11cm x 15cm x25 cm	76			-
27	Dụng cụ tẩy viết chì (gôm)	Cục	Trắng, 13g	98			-
28	Giấy A4	Xấp	20.5cm x 29.5cm (230gsm)				-
29	Giấy A0	Tờ	80gsm, 0.6 x 1m	50			-
30	Giấy A3	Gram	80 gsm, 41cm x 29,5cm	1			-
31	Giấy A4	Gram	70 gsm 20,5cm x 29,5 cm	556			-
32	Giấy A4	Gram	80 gsm 20,5cm x 29,5 cm	418			-
33	Giấy A4 làm bìa Màu 180g/m ²	Xấp	180 gsm 20,5cm x 29,5 cm	49			-
34	Giấy A4 làm bìa Trắng	Xấp	180 gsm 20,5cm x 29,5 cm	11			-
35	Giấy A4 một mặt láng (in hình siêu âm)	Xấp	180 gsm 20,5cm x 29,5 cm	4			- SKSS dự trữ
36	Giấy A5	Gram	70 gsm 20,5cm x 14,5 cm	90			-
37	Giấy có keo dán No 103	Xấp	Khô 7cm x 7 cm				-
38	Giấy có keo dán No 107	Xấp	Khô 7cm x 7 cm	66			-

39	Giấy dán tiện ích	xấp	Nhựa (1cm x 4cm)	64			-
40	Giấy hộp (lau lam kính)	Hộp	24 cm x 12 cm x 8cm	32			- XN dự trù
41	Giấy than	xấp	21 x 33 cm	1			-
42	Keo dán giấy (keo lỏng dạng nước)	Chai	Dạng nước :30 ml	243			-
43	Hộp đựng hồ sơ	hộp	7cm x 26cm x 36cm	35			-
44	Kéo	cây	Dài 23,5 cm	55			-
45	Kẹp bướm	Hộp	51mm	39			-
46	Kẹp bướm lớn	Hộp	41mm	57			-
47	Kẹp bướm trung	Hộp	32mm	127			-
48	Kẹp bướm nhỏ		25mm	129			-
49	Kẹp bướm nhỏ	Hộp	19mm	114			-
50	Kẹp giấy	Hộp	dài 25mm.	906			-
51	Kim bấm giấy lớn	Hộp	Số 3	69			-
52	Kim bấm giấy nhỏ	Hộp	Số 10	316			-
53	Ly mũ uống thuốc	Cái	Ly tron(không có sóng) 50ml	100,000			- Methado ne dự trữ
54	Móc dán tường.	Cái	mũ cứng	117			-
55	Nẹp giấy	Hộp	Khỏ 80 mm x 10 mm	23			-
56	Sáp đếm tiền	hộp	Trắng, 22g	37			-
57	Sổ cảnh bìa bóng	Cuốn	25cm x 33cm	49			-
58	Sổ lưu hồ sơ ruột mũ	cuốn	Bìa nhựa 100 lá	15			-
59	Tập (loại 100 trang)	Cuốn	15cm *20,5cm (100 trang)	61			-
60	Tập (loại 200 trang)	Cuốn	15cm*20,5cm (200 trang)	30			-
61	Tập lưu hồ sơ bìa mũ	Tập	Bìa nhựa 40 lá	10			-
62	Thước cây meca	Cây	Dài 50 cm	31			-

63	Túi nhựa có miệng kéo	Kg	Miệng kéo 20 cm	14			-	XN dự trù
64	Túi nhựa miệng kéo	kg	Miệng kéo 15cm	6			-	XN dự trù
65	Túi nilong	kg	Nhựa PE (loại chứa 1 kg)	18			-	
66	Viết bic đen	Cây	bi: 0.5mm, mực đen	133			-	
67	Viết bic đỏ	Cây	bi: 0.5mm, mực đỏ	186			-	
68	Viết bic xanh	Cây	bi: 0.5mm, mực xanh	2,175			-	
69	Viết chì	Cây	3B	165			-	
70	Viết dạ quang	Cây	đầu tròn 0.8 mm đầu dẹp 4 mm	77			-	
71	Viết để bàn (có chân đế)	Cây	bi: 0.5mm, mực xanh	69			-	
72	Viết xóa kéo	Cây	5mm x 6m	83			-	
73	Viết xóa mực trắng	cây	12 ml	53			-	
74	Máy tính tay 12 số	Cái	Màn hình tính 12 số	23			-	
TỔNG CỘNG							-	-